CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Phú Tài

Ngày 31/03/2025	57,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.7%	**-**	**-3.7%**

DT thuần
Q1/25
1,620
tỷ VNĐ
QoQ: ▼316| -16.3%
YoY: ▲ 183| 12.7%

LN thuần
Q1/25
149
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 64.5| 76.6%
YoY: ▲ 37.0| 33.2%

LN sau thuế
Q1/25
117
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 23.3| 24.8%
YoY: ▲ 27.1| 30.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
10.0%
YoY: +/-▲ 2.8%

ROE (TTM)
Q1/25
13.5%
YoY: +/-▲ 0.8%

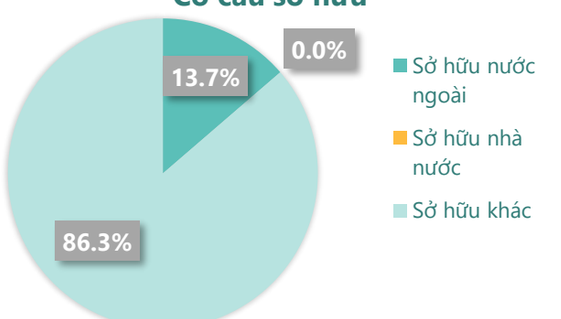
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	57,200 - 74,315
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,829
Số lượng CPLH (CP)	66,938,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	228,765
Sở hữu nước ngoài	13.7%
Beta	1.05
EPS	5,897
P/E	9.7

DT thuần
2024
6,466
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 847| 15.1%

LN thuần
2024
445
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 109| 32.5%

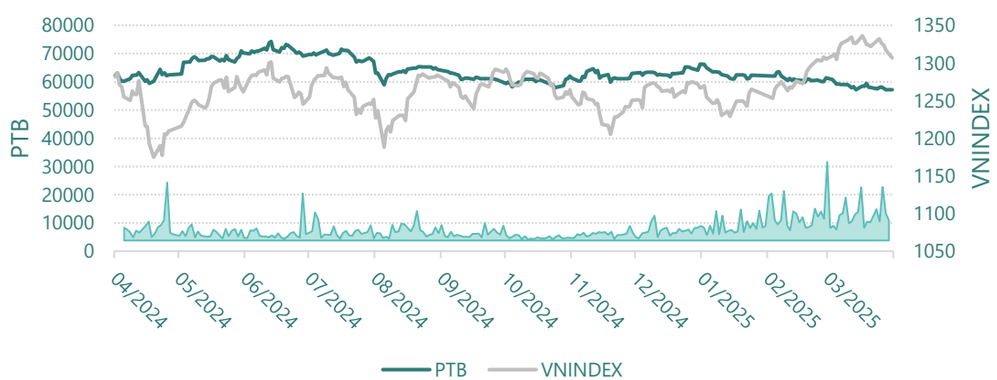
LN sau thuế
2024
376
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 117| 45.0%

Cơ cấu sở hữu

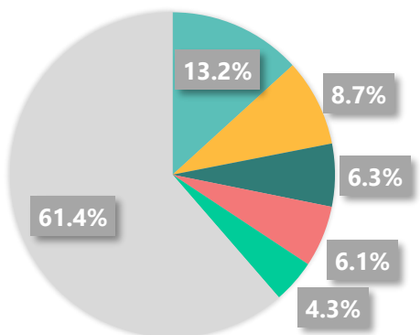


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

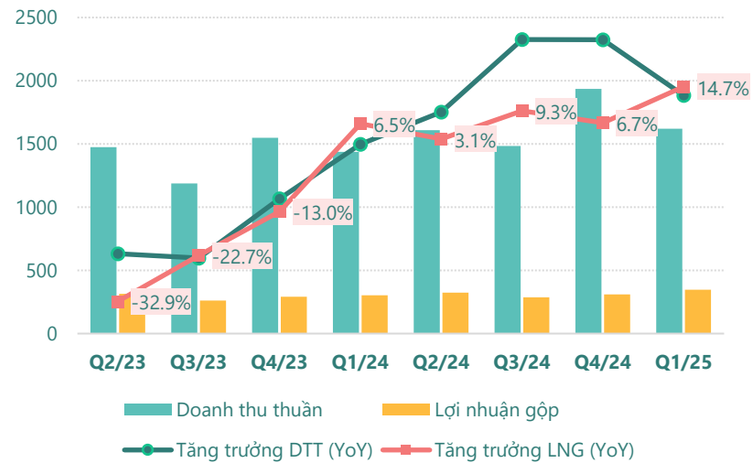


- Lê Vỹ
- Lê Văn Thảo (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Sỹ Hoè (Tổng giám đốc)
- Lê Văn Lộc (Thành viên HĐQT)
- Trần Thanh Cung (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

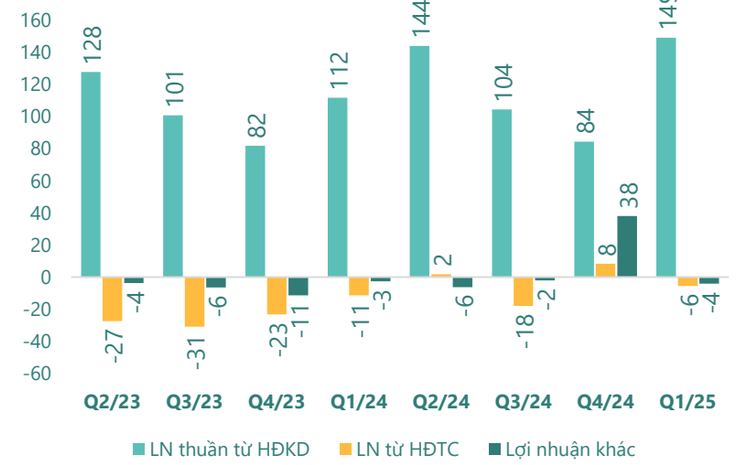
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



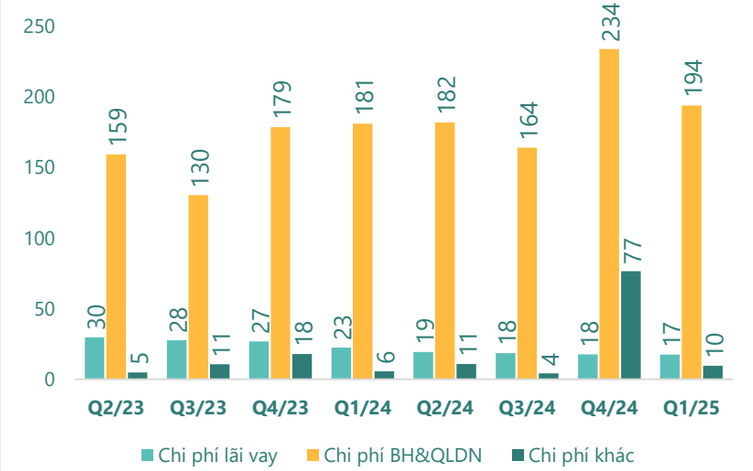
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



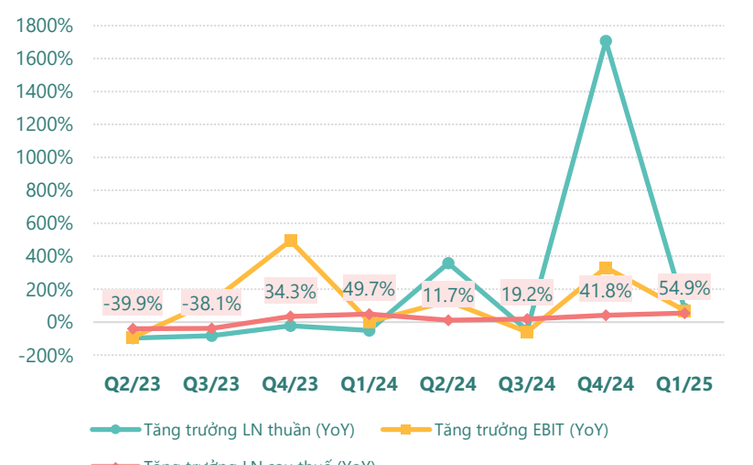
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



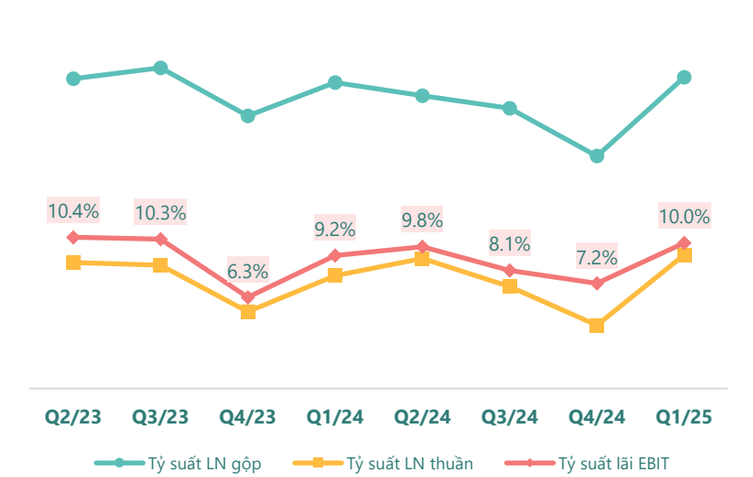
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



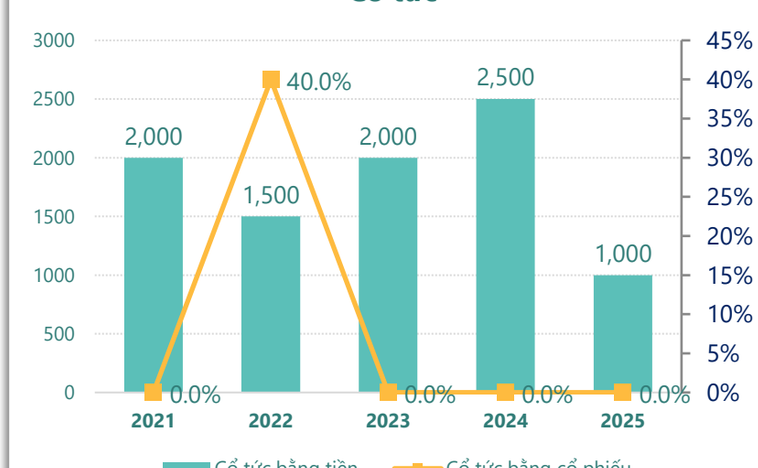
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

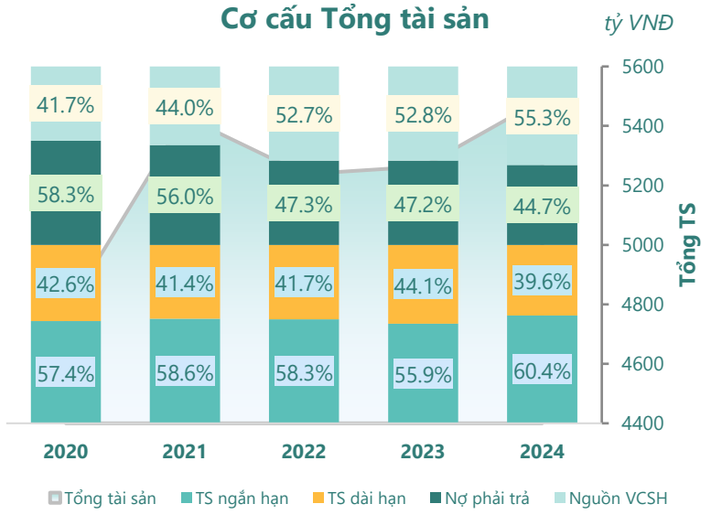
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

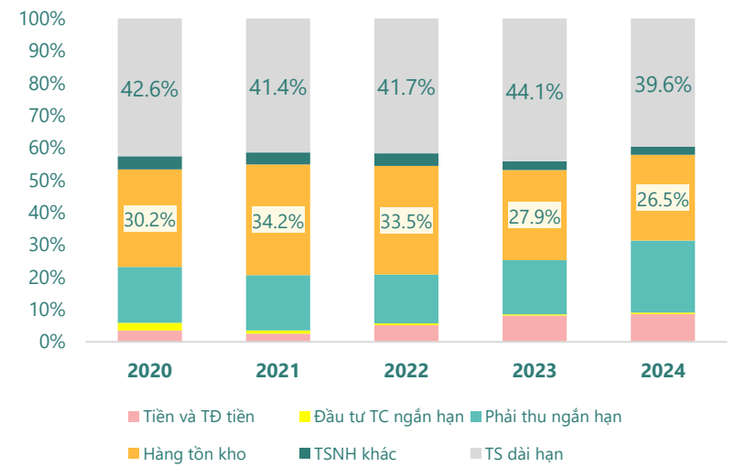
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



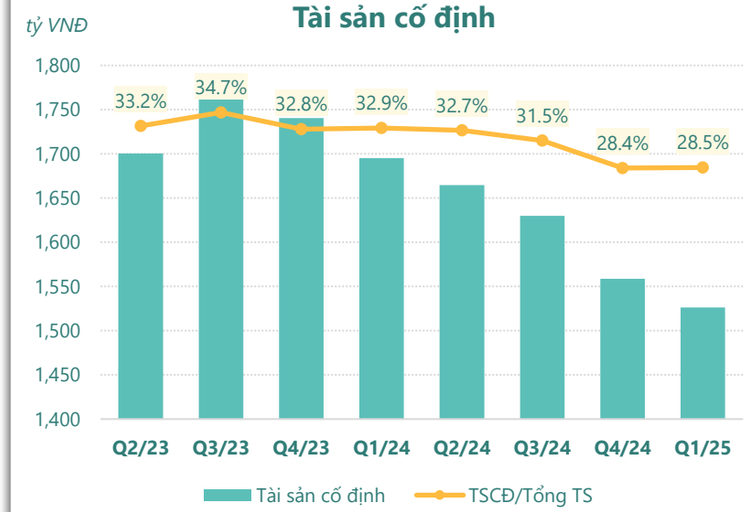
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



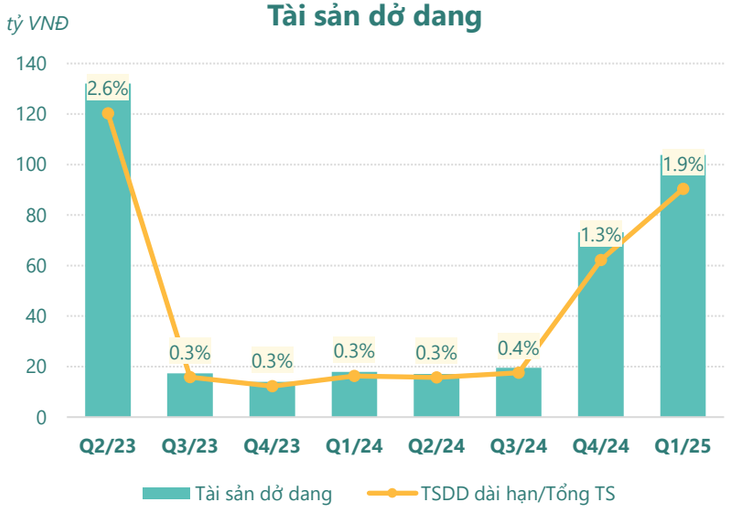
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



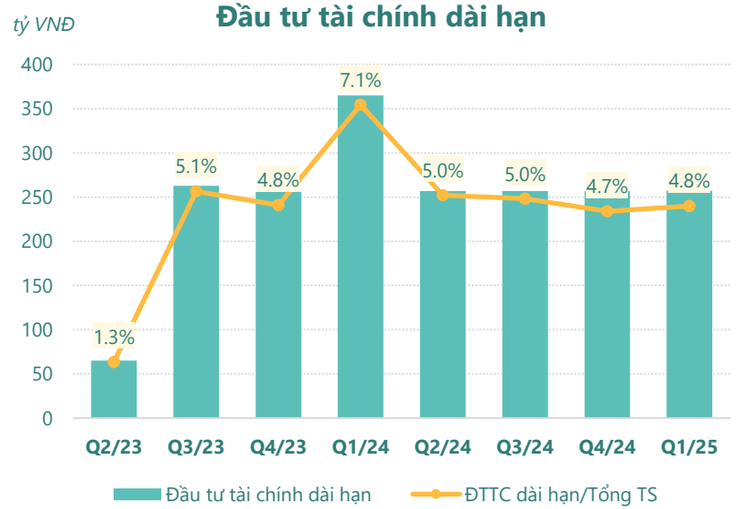
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



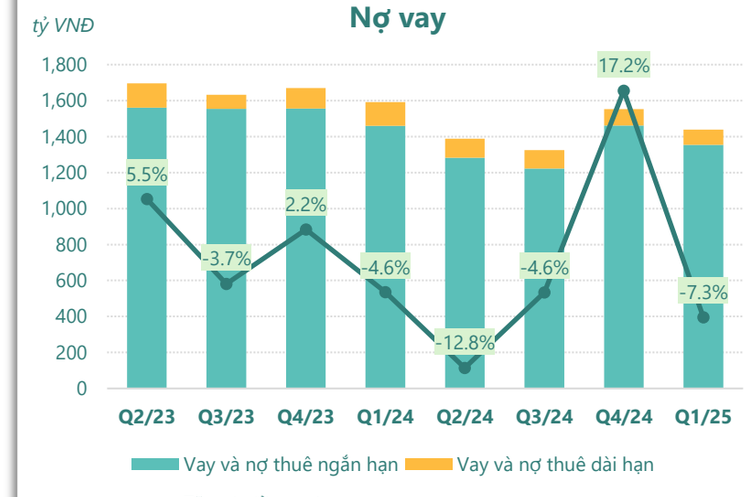
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

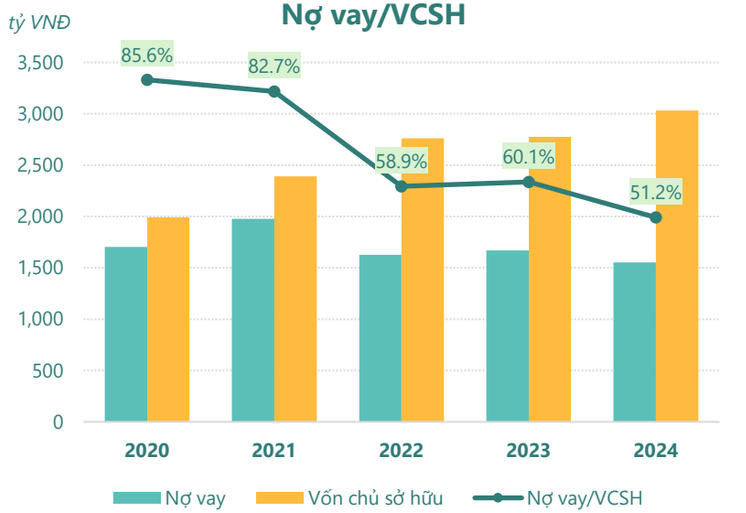
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



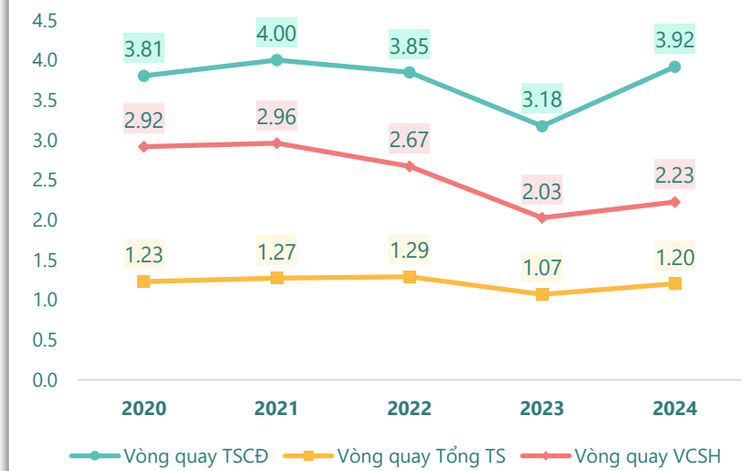
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



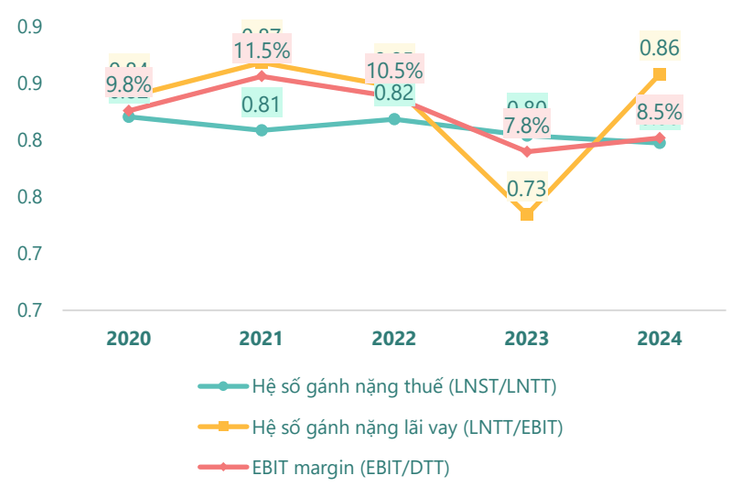
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



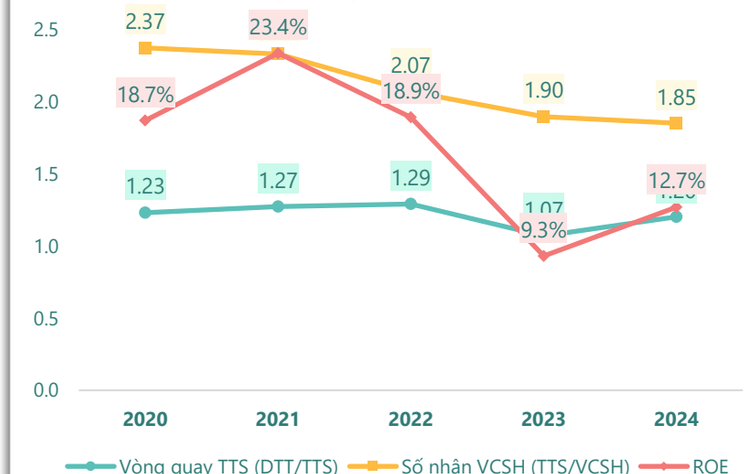
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



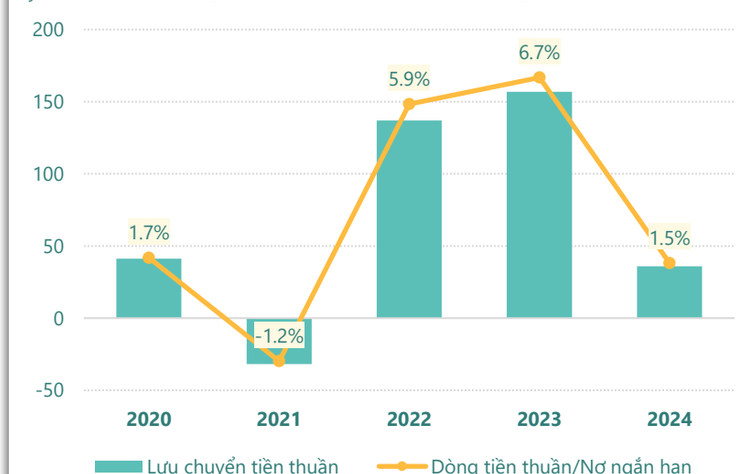
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,620**	**1,437**	**12.7%**	**6,466**	**5,619**	**15.1%**
Giá vốn hàng bán	1,273	1,134	12.2%	5,242	4,474	17.2%
Lợi nhuận gộp	348	303	14.7%	1,224	1,144	7.0%
Doanh thu HĐTC	14.0	13.2	6.4%	77.1	30.0	157%
Chi phí TC	19.6	24.5	-20.1%	96.3	143	-32.9%
Chi phí lãi vay	17.4	22.5	-22.6%	78.0	117	-33.2%
LN trong công ty LKLD	**1.24**	**1.23**	**0.7%**	**0.99**	**-6.95**	**114%**
Chi phí bán hàng	131	120	8.9%	497	439	13.1%
Chi phí QLDN	**63.3**	**60.7**	**4.3%**	**264**	**249**	**6.3%**
LN thuần từ HĐKD	149	112	33.2%	445	336	32.5%
Lợi nhuận khác	**-4.10**	**-2.57**	**-59.7%**	**27.1**	**-13.1**	**307%**
LN trước thuế	145	109	33.1%	472	323	46.2%
Lợi nhuận sau thuế	**117**	**89.9**	**30.1%**	**376**	**259**	**45.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**113**	**89.2**	**26.7%**	**369**	**258**	**43.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	256	172	176	16.3	93.4	177
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-33.2	-125	-4.93	6.82	-64.1	-80.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	36.9	-177	-132	-131	219	-180
Tiền đầu kỳ	169	428	299	342	229	471
Lưu chuyển tiền thuần	**260**	**-130**	**39.3**	**-108**	**248**	**-83.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.62	0.99	3.05	-5.18	-5.98	1.74
Tiền cuối kỳ	428	299	342	229	471	389

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,362**	**5,489**	**-2.3%**
Tài sản ngắn hạn	3,187	3,314	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	389	471	-17.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.6	26.1	-5.7%
Phải thu ngắn hạn	1,210	1,221	-1.0%
Hàng tồn kho	1,406	1,455	-3.3%
Tài sản ngắn hạn khác	157	140	12.0%
Tài sản dài hạn	**2,175**	**2,175**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	29.5	28.9	2.1%
Tài sản cố định	1,526	1,559	-2.1%
Bất động sản đầu tư	5.10	5.15	-1.1%
Tài sản dở dang	104	73.2	41.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	257	257	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**245**	**244**	**0.6%**
Lợi thế thương mại	8.06	8.84	-8.8%
Nợ phải trả	2,284	2,456	-7.0%
Nợ ngắn hạn	**2,175**	**2,352**	**-7.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,354	1,471	-7.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	492	516	-4.8%
Nợ dài hạn	109	105	3.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	84.9	81.5	4.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,079**	**3,033**	**1.5%**
Vốn chủ sở hữu	**3,079**	**3,033**	**1.5%**
Vốn điều lệ	669	669	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)